

- 19.43. Phương pháp lựa chọn đầu định lượng dapson nguyên liệu:
- A. Quang phổ hấp thụ UV.
 - B. Acid-base / acid acetic khan; HClO_4 0,1M; đo thể.
 - C. Đo nitrit.
 - D. Cả A, B và C
- 19.44. Phương pháp tin cậy định lượng ethambutol .HCl trong viên:
- A. Tạo phức màu xanh lơ với Cu^{++} rồi đo quang.
 - B. Acid-base trong ethanol 96%; NaOH 0,1M; đo điện thế.
 - C. HPLC
 - D. Chỉ A hoặc C.
- 19.45. Chọn các thuốc chỉ định ngay từ đầu khi điều trị lao::
- A. Kanamycin sulfat
 - B. Isoniazid
 - C. Streptomycin sulfat
 - D. Chỉ B và C
- 19.46. Chọn phương pháp thuận lợi định lượng pyrazinamid trong viên 0,5 g.
- A. Acid-base / acid acetic khan..
 - B. Quang phổ hấp thụ UV.
 - C. HPLC
 - D. Chỉ B hoặc C
- 19.47. Lý do cycloserin chỉ được dùng làm thuốc trị lao dự bị:
- A. Hiệu lực trị lao thấp
 - B. Độc tính với thần kinh
 - C. Gây dị ứng
 - D. Chỉ 2 lý do A và B
- 19.48. Cách dùng thuốc hiệu quả khi thực hiện phác đồ điều trị lao:
- A. Chia thời gian điều trị thành đợt tấn công và đợt duy trì.
 - B. Mỗi đợt cần uống (tiêm) phối hợp nhiều loại thuốc, đủ liều.
 - C. Uống (tiêm) phối hợp nhiều loại thuốc, nhưng giảm liều từng thuốc.
 - D. Chỉ A và B
- 19.49. Phương pháp hóa học lựa chọn định lượng isoniazid:
- A. Acid-base / acid acetic khan..
 - B. Đo brom.
 - C. Đo iod.
 - D. Chỉ A hoặc B
- 19.50. Tác dụng phụ của pyrazinamid khi uống thuốc kéo dài:
- A. Tăng men gan.
 - B. Tăng acid uric /máu.
 - C. Da dễ bắt nắng
 - D. Cả A, B và C